

Số: *191* /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020,

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2126/TTr-SLĐTBXH ngày 26/10/2022, Báo cáo số 304/BC-SLĐTBXH ngày 31/10/2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở thực tiễn

Bảo hiểm y tế (BHYT) là chính sách quan trọng trong chính sách an sinh xã hội đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo, được các bộ, ban, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước.

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW về “*tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*” (giao tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% dân số); ngày 29/4/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 546/QĐ-TTg về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025 (giao năm 2022 đạt 91,5%); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 23/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa

bản tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025; Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, theo đó mục tiêu đặt ra là trên 92% dân số tham gia bảo hiểm y tế (năm 2022), trong đó tỷ lệ đối với đồng bào dân tộc thiểu số là 98% (năm 2025).

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; qua rà soát, thống kê toàn tỉnh có hơn 70.000 đối tượng không tiếp tục tham gia bảo hiểm y tế trong 08 tháng đầu năm 2022 do chuyển từ mức hỗ trợ cao (100%) xuống mức hỗ trợ thấp (còn 40% - 50%). Trong 7 tháng đầu năm 2022, tổng kinh phí thanh toán dịch vụ khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT khoảng 23,58 tỷ đồng (41.071 lượt người), giảm 44,61% so với năm 2021 (99.650 lượt người, 42,57 tỷ đồng), giảm 62,92% so với năm 2020 (175.448 lượt người, 63,59 tỷ đồng). Một bộ phận người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số không được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tối thiểu do không tham gia BHYT, đời sống còn nhiều khó khăn gây gánh nặng về an sinh xã hội.

Để hỗ trợ người dân khó khăn có điều kiện tham gia BHYT, năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho một số đối tượng trên địa bàn Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, theo đó đã hỗ trợ mức đóng từ 10% đến 20%. Tuy nhiên, với mức hỗ trợ này sau gần 02 năm thực hiện, nhất là năm 2022 chịu tác động rất lớn từ Quyết định số 861/QĐ-TTg, số lượng đối tượng được hỗ trợ chính sách này tham gia BHYT tăng không đáng kể.

Từ vấn đề thực tiễn nêu trên, việc xem xét bổ sung và điều chỉnh (nâng) mức hỗ trợ theo lộ trình (mức hỗ trợ thấp dần ở những năm về sau) đối với mức đóng BHYT cho một số đối tượng là người dân khó khăn, nhằm giúp họ từng bước thích nghi chính sách mới, có điều kiện chăm sóc sức khỏe, đảm bảo chất lượng cuộc sống, đồng thời góp phần tăng tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt chỉ tiêu được giao là điều hết sức cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý

Ngày 17/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, trong đó tại điểm c khoản 1 Điều 8 quy định: “*Hỗ trợ tối thiểu 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP*” (người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

Căn cứ khoản 3 Điều 8 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác, kể cả 20% số kinh phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo hiểm y tế (nếu có) xây dựng và trình Hội đồng*

nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này”.

Tại điểm c, khoản 1, điều 2 Quyết định 546/QĐ-TTg ngày 29/04/2022 về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT giai đoạn 2022-2025 đã yêu cầu: *“Ủy ban nhân dân các tỉnh trình HĐND để bổ trí ngân sách địa phương và huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ thêm cho người dân tham gia BHYT, cụ thể: ...hỗ trợ người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình”.*

Như vậy, tùy thuộc vào khả năng ngân sách địa phương, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh để bổ sung đối tượng, điều chỉnh mức hỗ trợ đóng BHYT đối với một số đối tượng là phù hợp quy định và thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Nhằm điều chỉnh (nâng) mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng khó khăn đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết *“sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh”* phải căn cứ theo quy định tại Luật Bảo hiểm y tế, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ngày 22/07/2022, tại Thông báo số 244/TB-UBND về kết luận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Tuyết Minh tại cuộc họp nghe Bảo hiểm xã hội tỉnh báo cáo, đề xuất giải pháp thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh 6 tháng cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu các quy định của pháp luật và kinh nghiệm của tỉnh, thành phố khác để tham mưu UBND tỉnh thực hiện hỗ trợ cho người dân bị cắt giảm BHYT theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 02/8/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức lấy ý kiến, thông nhất với các sở, ban, ngành (Sở Y tế, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh) thực hiện phương án tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy chủ trương hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng là người dân tộc thiểu số không còn sinh sống trong vùng khó khăn, người dân không còn sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn.

Ngày 23/9/2022, trên cơ sở đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (tại Tờ trình số 1876/TTr-SLĐTBXH ngày 23/9/2022), ý kiến của Sở Tài chính (Công văn số 2451/STC-NS ngày 12/9/2022; Công văn số 2931/STC-NS ngày 07/10/2022), ý kiến của Sở Tư pháp (tại Công văn số 1433/STP-PC), Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 186/UBND-KGVX ngày 17/10/2022 trình Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin chủ trương Thường trực Tỉnh ủy hỗ trợ mức đóng thẻ bảo hiểm y tế cho một số đối tượng bị tác động khi áp dụng Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Để chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình kỳ họp, UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động hoàn chỉnh hồ sơ trình xây dựng nghị quyết gửi các sở, ban, ngành lấy ý kiến và gửi Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh lấy ý kiến phản biện xã hội; tổng hợp trình Sở Tư pháp thẩm định để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Công văn số 3066/UBND-KGVX ngày 19/10/2022).

Ngày 19/10/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2065/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 19/10/2022 lấy ý kiến góp ý các sở, ban, ngành; Công văn số 2066/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 19/10/2022 về việc lấy ý kiến phản biện.

Đến ngày 24/10/2022, cơ quan soạn thảo đã nhận được 17/17 cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến. Trên cơ sở tiếp thu các góp ý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định. Đến ngày 26/10/2022, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 264/BC-STP ngày 26/10/2022 về thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo số 297/BC-SLĐTBXH ngày 26/12/2022)

Dự thảo Nghị quyết được thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 03 điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung chính sách

- Bổ sung đối tượng áp dụng: Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.

- Sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ tại điểm b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND như sau:

“b) Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025) mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.”

“c) Hỗ trợ 10% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

Hỗ trợ 50% (tháng 11, 12 năm 2022), 45% (năm 2023); 35% (năm 2024); 25% (năm 2025) mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.”

“Mức hỗ trợ bổ sung, điều chỉnh trên không bao gồm mức hỗ trợ 30% từ ngân sách Trung ương.”

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Tổng kinh phí địa phương bổ sung từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2025 để thực hiện chính sách này, dự kiến khoảng 62,2 tỷ (không bao gồm kinh phí Tỉnh đã bố trí theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND).

Nguồn kinh phí: nguồn ngân sách tỉnh (Kèm theo Bảng tổng hợp kinh phí cần bổ sung hàng năm)

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tài liệu kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh;
- Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý, thẩm định của các cơ quan, đơn vị;
- Ý kiến phản biện của UBMTTQVN tỉnh;
- Báo cáo đánh giá tác động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Báo cáo 294/BC-SLĐTBXH ngày 25/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị (kèm theo các Công văn góp ý của các đơn vị);
- Báo cáo số 264/BC-STP ngày 26/10/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo nghị quyết;
- Báo cáo số 297/BC-SLĐTBXH ngày 26/12/2022 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp thu, giải trình ý thẩm định của Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND7).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG HỖ TRỢ MUA THẺ BẢO HIỂM Y TẾ
(Từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2025)

(Kèm theo Tờ trình số **191** /TTr-UBND ngày **02/11/2022** của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

Nhóm	Đối tượng	Tổng số người	Tổng kinh phí	Đề nghị hỗ trợ Ngân sách địa phương bổ sung							
				2 tháng (11, 12) năm 2022	Mức đóng cân hỗ trợ bổ sung (%)	Năm 2023	Mức đóng cân hỗ trợ bổ sung (%)	Năm 2024	Mức đóng cân hỗ trợ bổ sung (%)	Năm 2025	Mức đóng cân hỗ trợ bổ sung (%)
1	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình không còn sinh sống trong vùng II, vùng III sau khi ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; sinh sống trên địa bàn các xã vùng II, vùng III đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.	45.947	41.898.150.360	3.080.746.350	50%	16.636.030.290	45%	12.939.134.670	35%	9.242.239.050	25%
2	Người dân (không phải DTTS) thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình không còn sinh sống trong vùng II, vùng III sau khi ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021; sinh sống trên địa bàn các xã vùng II, vùng III đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.	30.963	20.345.477.670	1.660.855.320	40%	8.719.490.430	35%	6.228.207.450	25%	3.736.924.470	15%
Tổng cộng:		76.910	62.243.628.030	4.741.601.670		25.355.520.720		19.167.342.120		12.979.163.520	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND
ngày / /2022 của UBND tỉnh)

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X KỲ HỌP THỨ BẢY (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban

nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXX ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

1. Bổ sung đối tượng áp dụng vào điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“Người thuộc hộ gia đình nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025) mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 1 như sau:

“c) Hỗ trợ 10% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

Hỗ trợ 50% (tháng 11, 12 năm 2022), 45% (năm 2023); 35% (năm 2024); 25% (năm 2025) mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.

4. Mức hỗ trợ bổ sung, điều chỉnh trên không bao gồm mức hỗ trợ 30% từ ngân sách Trung ương.

Điều 2. Các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ bảy (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ LĐTB&XH, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTT, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 31 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh
đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một
số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 31/10/2022, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 2868/VPUBND-KGVX về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tiếp thu và giải trình các nội dung góp ý, cụ thể như sau:

1. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Tuyết Minh: góp ý đối với dự thảo Tờ trình.

Đề nghị bổ sung dự kiến kinh phí cần hỗ trợ thêm cho các nhóm đối tượng theo từng năm vào dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Tờ trình.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: góp ý đối với dự thảo Nghị quyết

a) Ý kiến thứ nhất, tại căn cứ pháp lý thứ 9, đề nghị bổ sung dấu chấm phẩy ";" tại cuối căn cứ pháp lý cho đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

b) Ý kiến thứ hai, tại căn cứ pháp lý thứ 10, đề nghị điều chỉnh cụm từ "chính phủ" thành cụm từ "Chính phủ" cho phù hợp. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh.

3. Giám đốc Sở Tư Pháp: góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

a) Ý kiến thứ nhất, tại phần căn cứ pháp lý:

- Tại căn cứ pháp lý thứ 9 đề nghị bổ sung dấu chấm phẩy (;) tại cuối căn cứ pháp lý

- Tại căn cứ pháp lý thứ 10 đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉnh sửa cụm từ "*chính phủ*" thành cụm từ "*Chính phủ*" cho phù hợp.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu và điều chỉnh .

b) Ý kiến thứ hai, tại phần Điều 1 dự thảo, đề nghị xem xét lại các cụm từ "*trên các địa bàn sau:*" và cụm từ "*không được phê duyệt là*" tại khoản 2, khoản 3 cho phù hợp để đảm bảo tính khả thi và dễ tiếp cận văn bản khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, vì việc quy định hai cụm từ này không có tính logic.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tại Báo cáo số 297/BC-STP ngày 26/10/2022 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, Sở Tư pháp đã "*đề nghị xem xét lại nội dung đoạn "nay không còn là thôn, xã ... Trung ương hỗ trợ là 30%" cho phù hợp về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản để tránh nhiều cách hiểu khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua*". Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh, từ cụm từ "*nay không còn là thôn, xã*" thành "*không được phê duyệt là*". Việc sử dụng cụm từ "*không được phê duyệt là*" phù hợp với nội dung Quyết định số 861/QĐ-TTg (Tiêu đề Quyết định số 861/QĐ-TTg là **phê duyệt** danh sách các xã).

c) Ý kiến thứ ba, tại khoản 4 đề nghị bỏ cụm từ "*điều chỉnh*" cho phù hợp vì Nghị quyết này bổ sung thêm chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, không điều chỉnh nội dung hỗ trợ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên dự thảo. Lý do: Nghị quyết sửa đổi, bổ sung có điều chỉnh (nâng mức) đóng bảo hiểm y tế tại (đoạn 2) khoản 2, 3.

d) Ý kiến thứ tư, tại đoạn 2 Điều 3 dự thảo đề nghị xem xét lại việc quy định về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết cho phù hợp theo khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm

2020 trong việc xây dựng, ban hành Nghị quyết được thực hiện theo trình tự thủ tục, rút gọn.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Ghi nhận ý kiến này của Sở Tư pháp, đề nghị UBND tỉnh trình bày rõ để các cơ quan thẩm định của HDND tỉnh xem xét, thống nhất thời điểm có hiệu lực của nghị quyết.

4. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

a) Ý kiến thứ nhất, về nội dung bổ sung đối tượng áp dụng tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung “*Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025*”, đoạn này đã được phổ quát trong đối tượng trong đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

Giải trình: đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND là: *người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình (không bao gồm người DTTS, người đang sinh sống vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn...*”, trong khi đối tượng bổ sung tại dự thảo nghị quyết là “.....sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn...”. Do vậy, đối tượng bổ sung này chưa được đề cập trong Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND.

b) Ý kiến thứ hai, về mức hỗ trợ.

+ Đề nghị làm rõ về phạm vi áp dụng của đối tượng “*người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ*” và “*người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ*”, đề nghị nhập hai nhóm này làm một và giữ mức hỗ trợ 20%.

Giải trình:

Nhóm đối tượng 01: người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn sau: thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: tại

Bình Phước có 31 xã thuộc đối tượng này (theo Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh).

Nhóm đối tượng 02: người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; tại Bình Phước có 103 xã, phường, thị trấn (bao gồm cả 31 xã thuộc nhóm đối tượng 01).

Tuy nhiên, chính sách này nhằm hỗ trợ nhóm đối tượng chịu tác động bởi Quyết định số 861/QĐ-TTg là nhóm đối tượng 01. Do vậy, chỉ điều chỉnh tăng mức hỗ trợ với nhóm 01, nhóm 02 giữ nguyên mức hỗ trợ như Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND. Mức điều chỉnh này cũng đã được Sở Tài chính thống nhất, phù hợp với khả năng ngân sách địa phương. Trường hợp 01 đối tượng du di chuyển hưởng nhiều mức hỗ trợ thì chỉ hỗ trợ ở mức cao nhất (theo nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND).

+ Đề nghị: “*bổ sung nhóm đối tượng Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế tương ứng là 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025)*”.

Giải trình: Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên các địa bàn là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg **thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng** (hỗ trợ 100% mức đóng BHYT), được quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Đối tượng tại xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 đã được quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.

c) Đối với ý kiến sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: giải trình như trên.

5. Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh

a) Đối với dự thảo Tờ trình

- Ý kiến thứ nhất, đề nghị không viết tắt số ký hiệu “*Quyết định số 861/QĐ-TTg*”, tại tiết 4, mục 1, phần I trong dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, khi chưa có ghi chú. Do đó đề nghị bổ sung cụm từ “(*Quyết định số 861/QĐ-TTg*)” trước dấu (;) và sau cụm từ “.... và miễn núi giai đoạn 2021 - 2025”, trong tiết 4, mục 1, phần I của dự thảo.

- Ý kiến thứ 2, đề nghị bổ sung ghi chú về việc viết tắt “*Nghị quyết số 13/2020/NQHĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh*” sau cụm từ “... trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025.” trước cụm từ “*như sau*” ở phần mở đầu của dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất cách viết ở các mục sau.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, quy định “*Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc kỳ ban hành văn bản.... Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; **đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.***” Vì vậy, ở những lần viện dẫn sau, cơ quan soạn thảo chỉ trích dẫn tên loại, số, ký hiệu, không ghi chú về việc viết tắt là phù hợp.

b) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Ý kiến thứ nhất, sử dụng văn bản cá biệt làm căn cứ pháp lý (*Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 - 2025*) là không phù hợp theo khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị điều chỉnh bỏ 02 quyết định nêu trên khỏi phần căn cứ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tại “*Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng chính phủ*” của dự thảo Nghị quyết là quyết định cá biệt nên được soạn thảo “*Thực hiện Quyết định*”, không ghi “*Căn cứ Quyết định*” như các văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, nội dung này cũng đã được Sở Tư pháp đề nghị bổ sung tại điểm a, mục 4, Báo cáo số 264/BC-STP ngày 26/10/2022.

- Ý kiến thứ hai, tại phần nội dung các điều, khoản trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Bổ sung phần căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

+ Đề nghị quy định cụ thể đối tượng thụ hưởng trong tiết 2 khoản 3 dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, vì nếu quy định như dự thảo có thể được hiểu từ “*người dân*” ở đây là chỉ cả “*người dân tộc thiểu số*” và “*người dân tộc kinh*” thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống ... xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do đã được giải trình tại Báo cáo số 294/BC-SLĐTBXH ngày 25/10/2022.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLLVXH (HH).



Huỳnh Thị Thùy Trang

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1870~~ /MTTQ-BTT
“V/v tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối
với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh”

Bình Phước, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bình Phước.

Thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN, ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”; Công văn số 766-CV/TU, ngày 24/02/2022 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất phê duyệt đối với Chương trình giám sát và phản biện xã hội năm 2022 Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 2066/SLĐTBXH-QLLVXH, ngày 19/10/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đề nghị phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025”.

Ngày 24/10/2022, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 297/KH-MTTQ-BTT về việc tổ chức phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025” với hình thức tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, địa phương và cá nhân được mời tham gia phản biện đối với dự thảo Nghị quyết; Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh đã tổng hợp, cụ thể như sau:

1. Ý kiến phản biện xã hội chung

Đa số các ý kiến thống nhất với việc ban hành Nghị quyết nhằm sửa đổi, bổ sung các nội dung, quy định về chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng khó khăn, có mức sống trung bình hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đảm bảo cho ngành chức năng và các địa phương chủ động triển khai thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2025; tạo khung pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chế độ chính sách, đảm bảo các chế độ chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định; nhất là việc giúp cho một số đối tượng người dân tộc thiểu số, người dân thuộc hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình có điều kiện, cơ hội tiếp tục tham gia BHYT, qua đó được tiếp

cận dịch vụ chăm sóc y tế khi chẳng may gặp rủi ro trong cuộc sống, đảm bảo sức khỏe, tiếp tục tham gia hoạt động kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo an sinh xã hội. Việc thực hiện chính sách kéo dài thêm thời gian hỗ trợ cùng với sự tuyên truyền, vận động của các cơ quan, đoàn thể sẽ giúp người dân chuyển biến nhận thức, từng bước tự nguyện tham gia BHYT, góp phần tăng tỷ lệ BHYT toàn dân, tạo lưới an sinh xã hội bền vững.

2. Ý kiến phản biện xã hội cụ thể

2.1. Đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “*hỗ trợ*” vào tiêu đề dự thảo nghị quyết và tiêu đề Điều 1 của dự thảo cho phù hợp với nội dung, tiêu đề Nghị quyết số 13/2020/NQ₇ HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh “*quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2025*”

Cụ thể viết lại như sau: “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ₇ HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2025*”

2.2. Về căn cứ pháp lý

Đề nghị cơ quan soạn thảo dự thảo Nghị quyết xem xét, cân nhắc bổ sung các căn cứ pháp lý sau:

(1) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

(2) Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo tính pháp lý của dự thảo Nghị quyết khi được ban hành.

(3) Quyết định 861/2021/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 582/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

2.3. Về bổ sung đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 1, điều 1: Đề nghị xem xét, nghiên cứu đối với đối tượng thụ hưởng chính sách là “...Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn **đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025**”, vì quy định như vậy chưa phù hợp với quy định tại Quyết định 861/2021/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 582/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

Theo đó: Tại điều 3, Quyết định 861/2021/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu*

vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực”.

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cần chủ động tham mưu kiến nghị với Trung ương xem xét ban hành chính sách cho Ngân sách nhà nước tiếp tục đóng hoặc hỗ trợ BHYT theo lộ trình để làm căn cứ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 13/HĐND cho phù hợp quy định và đúng đối tượng được hỗ trợ đóng BHYT từ ngân sách nhà nước.

2.4. Về sửa đổi, bổ sung quy định mức hỗ trợ

Định mức hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng trong diện được thụ hưởng đã phù hợp với các quy định của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ và Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/04/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025. Tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu xem xét đối tượng được bổ sung trong dự thảo Nghị quyết có thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 1 và 2, Điều 4, Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ hay không? (dự thảo Nghị quyết áp dụng mức hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025)...).

Đề nghị cơ quan soạn thảo cần nhắc, xem xét có thể vẫn áp dụng hỗ trợ đóng BHYT cho nhóm đối tượng được bổ sung trong dự thảo Nghị quyết, nhưng nên xem xét định mức hỗ trợ giảm so với quy định tại dự thảo Nghị quyết, nhằm phù hợp với các quy định chung; vì đối tượng được quy định trong dự thảo Nghị quyết “...Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn **đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025**” có thể không thuộc diện hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình nghèo đa chiều... thuộc nhóm đối tượng được hưởng tối đa 70% mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ).

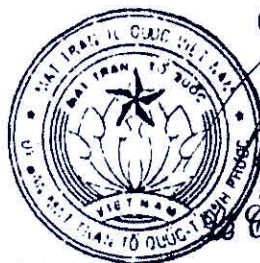
Trên đây là tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh; đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản tiếp thu giải trình gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải trình cụ thể).”.

Nơi nhận: *gửi*

- TT Tỉnh ủy; TT. HĐND; UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp;
- Như Kính gửi;
- Thành phần tham gia PBXH;
- Ban DCPL, KT (MTTQVN tỉnh);
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

CHỦ TỊCH



Chị Xuân Trang

Số: 294 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 25 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

I. TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

1. Sở Tư Pháp (tại Công văn số 1523/STP-PC ngày 21/10/2022)

a) Ý kiến 1, tại căn cứ pháp lý thứ 9 đề nghị thay cụm từ “Căn cứ” thành cụm từ “thực hiện”. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

b) Ý kiến 2, tại phần đề nghị ban hành đề nghị bỏ từ “tỉnh” trước cụm từ “tại kỳ họp”. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

c) Ý kiến 3, tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung cụm từ “thêm đối tượng áp dụng vào” sau cụm từ “bổ sung”. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết đề nghị bỏ cụm từ “bổ sung” sau cụm từ “sửa đổi”. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo Nghị quyết.

- Nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định áp dụng đối với người thuộc hộ gia đình ngư nghiệp có phù hợp với tình Bình Phước không : Qua rà soát, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước có một bộ phận người dân làm nghề nuôi cá, đánh bắt cá trên lòng hồ thủy điện thác Mơ, cần đơn, sông Bé, làng bè Phước Minh... Do đó, đối tượng áp dụng bao gồm hộ gia đình ngư nghiệp có mức sống trung bình là phù hợp thực tiễn.

- Đối với nội dung quy định về mức hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022) và 50% (tháng 11, 12 năm 2022), đề nghị phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị để thống nhất mức hỗ trợ cho phù hợp và phù hợp với thời điểm có hiệu lực của văn bản.

+ Về mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ: nội dung này đã được Sở Tài chính thống nhất (Công văn số 2451/STC-NS ngày 12/9/2022; Công văn số 2931/STC-NS ngày 07/10/2022).

+ Thời điểm hiệu lực của văn bản (tháng 11, 12 năm 2022): Theo dự kiến, kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh tổ chức họp trước ngày 15/11/2022 nên thời gian bắt đầu hỗ trợ tính từ tháng 11/2022 là phù hợp. Tuy nhiên, tùy thuộc vào thời gian tổ chức kỳ họp thực tiễn, cơ quan soạn thảo báo cáo với Ban thẩm tra HĐND xem xét phù hợp.

d). Ý kiến 4, đề nghị bổ sung thêm một số nội dung về các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

2. Ban Dân tộc tỉnh (Công văn số 453/BDT-CSĐT ngày 24/10/2022)

a) Ý kiến 1: Tên của dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị không viết tắt cụm từ “HĐND” trong tên của Nghị quyết và quy định tại Điều 1;

- Đề nghị bổ sung cụm từ “hỗ trợ” sau từ cụm từ “...của HĐND tỉnh quy định mức”, trước cụm từ “đóng bảo hiểm y tế...”.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

b) Ý kiến 2: tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không tiếp thu. Lý do: theo khoản 4 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, quy định: “*người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ*”. Do đó, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg đã thuộc quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, không cần trích dẫn 02 văn bản trên vào phần căn cứ.

c). **Ý kiến 3:** tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung từ “*hỗ trợ*” tương tự gạch đầu dòng thứ 2 của ý kiến 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

d). **Ý kiến 4**

- Đề nghị xác định cụ thể hóa đối tượng thụ hưởng chính sách. Đồng thời làm rõ cụm từ “*xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025*”? Được hiểu là toàn bộ các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới từ giai đoạn trước đến năm 2025 hay chỉ là các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới *trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2025*.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, xác định rõ đối tượng này như sau : “các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn *có quyết định công nhận* xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025”. Việc điều chỉnh này phù hợp với Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: “*Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thời hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực*”.

- Đề nghị bổ sung Đối tượng áp dụng vào điểm b khoản 1 Điều 1:

“Người thuộc hộ gia đình cận nghèo... theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020, nay không còn là xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.”

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không tiếp thu. Lý do: Các đối tượng được Ban Dân tộc nêu trên đã thuộc các đối tượng tại mục b của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

e). **Ý kiến 5:** tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị xác định rõ phạm vi, đối tượng trong nội dung sửa đổi, bổ sung, vì: Trong dự thảo Nghị quyết ghi: 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau:

“b) Hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023)... đạt chuẩn nông thôn mới đến giai đoạn 2022 - 2025”. Được hiểu là “*sửa đổi*” và *thay thế*

toàn bộ điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khi đó các đối tượng thuộc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND sẽ không còn được hưởng chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách Trung ương hỗ trợ). Hay chỉ **“bổ sung”** thêm tiết “Hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023)... đạt chuẩn nông thôn mới đến giai đoạn 2022-2025” trong điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (khi đó các đối tượng thuộc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách Trung ương hỗ trợ).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh tại khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Việc viết lại theo hình thức này có ý nghĩa sửa đổi điểm b,c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND **thành** khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết. (sửa đổi và thay thế).

Về phạm vi, đối tượng, Sở Lao động - TB&XH giữ theo dự thảo nghị quyết, chỉ điều chỉnh tăng mức đóng BHYT đối với những đối tượng chịu tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg. Các đối tượng còn lại tiếp tục được hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

- Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách trung ương hỗ trợ là 30%”: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và điều chỉnh.

f) Ý kiến 6

- Đề nghị xác định rõ phạm vi, đối tượng trong nội dung sửa đổi, bổ sung, như góp ý tại mục 5.1 và 5.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giải trình tại ý kiến 5.

- Đề nghị bổ sung cụm từ “không bao gồm đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1” vào sau cụm từ “c) Hỗ trợ 50%... có mức sống trung bình”, trước cụm từ “sinh sống trên địa bàn...”.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không tiếp thu. Lý do: tại khoản 3, điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND về nguyên tắc hỗ trợ quy định: “Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ thì hỗ trợ đóng BHYT theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất”. Do đó, không cần bổ sung thêm cụm từ này.

g) **Ý kiến 7:** về việc xem xét ban hành nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND hoặc trường hợp không ban hành nghị quyết mới, đề nghị nên viết lại toàn bộ Điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung để thống nhất áp dụng trong thực tiễn.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giữ quan điểm tham mưu Nghị quyết sửa đổi, bổ sung nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND (không thay thế), vì các nội dung khác của nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND bao gồm phạm vi điều chỉnh, đối tượng hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ, kinh phí thực hiện không có gì thay đổi. Tiếp thu ý kiến của Ban Dân tộc, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã soạn thảo lại, viết lại toàn bộ nội dung được sửa đổi để thống nhất áp dụng trong thực tiễn.

3. Các sở, ngành (Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội tỉnh) và 11 huyện, thị xã, thành phố: thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, QL.L.VXH (HH).

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thị Thủy Trang

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2106/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 25/10/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 2106/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 25/10/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình

Phước giai đoạn 2020-2025 đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp cuối năm 2022 tại Thông báo số 380/TB-HĐND ngày 17/10/2022 và được UBND tỉnh xin điều chỉnh từ kỳ họp cuối năm sang kỳ họp chuyên đề, HĐND tỉnh khóa X (dự kiến vào tháng 11/2022) tại Công văn số 3066/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 về việc điều chỉnh thời gian trình kỳ họp chuyên đề và kỳ họp cuối năm 2022, HĐND tỉnh khóa X.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết này là Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, do đó việc Sở Lao động, Thương binh và xã hội bổ sung thêm đối tượng áp dụng vào điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh là phù hợp theo quy định.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 nhằm đảm bảo có chính sách để hỗ trợ kịp thời cho một số đối tượng khó khăn, yếu thế khi triển khai thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; đồng thời đảm bảo việc thực hiện tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025. Tuy nhiên, để dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy theo quy định tại dấu cộng thứ 8 gạch đầu dòng thứ 4 khoản 4 Điều 5 Quy chế làm việc số 21-QC/TU ngày 25/4/2022 của Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025 vì việc bổ sung chính sách này theo Báo cáo số 285/BC-SLĐTBXH ngày 19/10/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đánh giá tác động về việc ban hành Nghị

quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 cho khoảng 76.910 đối tượng với mức kinh phí khoảng 62,2 tỷ đồng.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Mức hỗ trợ sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 nhằm đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 theo Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Tại căn cứ pháp lý thứ 9 đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thay cụm từ “ngày 29/04/2022) thành cụm từ “ngày 29 tháng 4 năm 2022” cho phù hợp. Đồng thời, trong toàn bộ các căn cứ pháp lý đề nghị rà soát lại lỗi chính tả cho đúng.

Đề nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý sau cho đầy đủ:

“Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;”

b) Tại Điều 1 dự thảo

- Tại phần tên của điều đề nghị không viết tắt cụm từ “HĐND” cho phù hợp; đồng thời bỏ dấu chấm (.) tại cuối tên của Điều cho phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ;

- Tại khoản 1 đề nghị chỉnh sửa lại như sau:

“1. Bổ sung thêm đối tượng áp dụng vào điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:”

- Nội dung tại điểm b, c khoản 2 Điều 1 dự thảo vừa có nội dung sửa đổi vừa có nội dung bổ sung so với điểm b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó, tại tên của khoản 2, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung thêm cụm từ “bổ sung” sau cụm từ “sửa đổi” cho phù hợp;

- Đề nghị xem xét lại nội dung đoạn “nay không còn là thôn, xã ... Trung ương hỗ trợ là 30%” cho phù hợp về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản để tránh nhiều cách hiểu khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua.

- Tại khoản 4 đề nghị tách ra thành một Điều cho cụ thể và chỉnh sửa lại như sau:

“Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025.”

c) Tại Điều 2 dự thảo

- Đề nghị đưa tên của Điều ra khỏi dự thảo và chỉnh sửa lại như sau:

“Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ...”

- Đối với nội dung quy định về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết cho phù hợp theo khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và xã hội xem xét để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phù hợp vì ngày 18/10/2022, Sở Lao động, Thương binh và xã hội có Công văn số 2054/SLĐTBXH-QLLXVH về việc đề xuất giải pháp xây dựng chính sách hỗ trợ một số đối tượng khó khăn khi áp dụng Quyết định số 861/QĐ-TTg trong đó đề nghị việc xây dựng, ban hành Nghị quyết này được thực hiện theo trình tự thủ tục rút gọn.

d) Tại phần nơi nhận đề nghị bổ sung đơn vị nhận văn bản là “Tổ Đại biểu HĐND tỉnh” cho đầy đủ.

III. Kết luận

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có

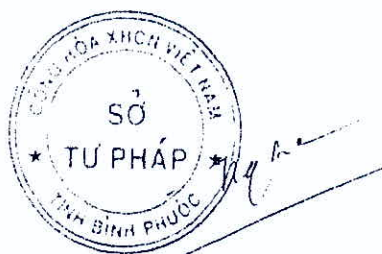
liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở LĐ.TB&XH;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, PC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Trí

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 297 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 26 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Ngày 26/10/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số 264/BC-STP ngày 26/10/2022 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và đề nghị của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan soạn thảo) đã nghiên cứu xem xét, tiếp thu và giải trình cụ thể các ý kiến tại mục 4, phần II của Báo cáo như sau:

1. Các ý kiến tiếp thu và đã điều chỉnh dự thảo Nghị quyết như sau:

a) **Ý kiến thứ nhất:** tại căn cứ pháp lý thứ 9 thay cụm từ "ngày 29/04/2022" thành cụm từ "ngày 29 tháng 4 năm 2022".

Bổ sung thêm căn cứ pháp lý: "Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;"

b) **Ý kiến thứ hai:** Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết

- Tại phần tên của điều không viết tắt cụm từ "HĐND", đồng thời bỏ dấu chấm (.) tại cuối tên của Điều.

- Tại tên của khoản 2, thêm cụm từ "*bổ sung*" sau cụm từ "*sửa đổi*".

c) **Ý kiến thứ ba:** tại điểm 2.3 Điều 1, sửa đổi đoạn "*nay không còn là thôn, xã ... Trung ương hỗ trợ là 30%*" cho phù hợp về việc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản để tránh nhiều cách hiểu khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua. Tiếp thu ý kiến này của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo sửa đổi và bố cục lại nội dung này cho rõ ý, dễ hiểu như sau:

"Hỗ trợ 70% (tháng 11, 12 năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025) mức đóng thẻ bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống **trên địa bàn sau:** thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 **không được phê duyệt** là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025." Sửa đổi tương tự cho đối tượng hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (không phải người DTTS - tại khoản 3 dự thảo Nghị quyết).

Bổ sung một khoản trong dự thảo với nội dung "*Mức hỗ trợ được bổ sung, điều chỉnh trên không bao gồm mức hỗ trợ 30% từ ngân sách trung ương*", đồng thời bỏ cụm từ: "*ngoài mức tối thiểu đã được ngân sách trung ương hỗ trợ 30%*" tại cuối các đoạn trong khoản 2,3 dự thảo nghị quyết (tránh lặp lại nhiều lần).

d) **Ý kiến thứ tư:** tại khoản 4 tách ra thành một Điều và chỉnh sửa lại như sau:

"**Điều 2.** Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025."

c) **Ý kiến thứ năm:** Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết: đưa tên của Điều ra khỏi dự thảo và chỉnh sửa lại như sau:

"**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ..."

2. Các ý kiến không điều chỉnh, đề nghị giữ theo dự thảo Nghị quyết lần 02 (sau góp ý các sở, ban, ngành)

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 285 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 19 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tác động về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025

Thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá tác động về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025, như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết

a) Tổng quan về tình hình thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn tỉnh.

Bảo hiểm y tế (BHYT) là chính sách quan trọng trong chính sách an sinh xã hội đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo, được các bộ, ban, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước.

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW về "*tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*" (giao tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% dân số); ngày 29/4/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 546/QĐ-TTg về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022 – 2025 (giao năm 2022 đạt 91,5%); Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 23/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025; Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, theo đó mục tiêu đặt ra là trên 92% dân số tham gia bảo hiểm y tế (năm 2022), trong đó tỷ lệ đối với đồng bào dân tộc thiểu số là 98% (năm 2025).

a) Đối với người DTTS thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020, nay không còn là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025. Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ 20% theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND tăng lên 70% (năm 2022), 65% (năm 2023), 55% (năm 2024), 45% (năm 2025)

Tổng số đối tượng: 45.947 người; kinh phí dự kiến hỗ trợ tăng thêm của địa phương khoảng 41,9 tỷ đồng, không bao gồm kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2025).

b) Đối với người dân thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống trên địa bàn các thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020, nay không còn là thôn, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025. Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ 10% theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND tăng lên 50% (năm 2022), tăng lên 45% (năm 2023); 35% (năm 2024); 25% (năm 2025).

Tổng số đối tượng: 30.963 người; kinh phí dự kiến hỗ trợ tăng thêm của địa phương khoảng 20,3 tỷ đồng, không bao gồm kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND (từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2025).

c). Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ

Tổng số đối tượng khoảng 76.910 người, số kinh phí dự kiến hỗ trợ tăng thêm của địa phương khoảng 62.2 tỷ đồng *(từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2025 - bảng tổng hợp kinh phí kèm theo)*.

2. Tác động của chính sách

a) Tác động về mặt kinh tế: Làm tăng chi ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đã được đề xuất theo chiều hướng giảm dần mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh, từng bước tăng tỷ lệ tham gia đóng góp của người dân. Việc tăng chi ngân sách để thực hiện công tác đảm bảo xã hội cũng phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Phước hiện nay với tỷ lệ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng nhanh, nhất là giai đoạn 2021 - 2030.

b) Tác động về mặt xã hội: Việc thực hiện chính sách giúp cho các đối tượng (người dân tộc thiểu số, người dân thuộc hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình) có điều kiện, cơ hội tiếp tục tham gia BHYT, qua đó được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế khi chẳng may gặp rủi ro trong cuộc sống, đảm bảo sức khỏe, tiếp tục tham gia hoạt động kinh tế xã hội của địa phương, đảm bảo an sinh xã hội. Việc thực hiện chính sách kéo dài thêm thời gian hỗ trợ cùng với sự tuyên truyền, vận

động của các cơ quan, đoàn thể sẽ giúp người dân chuyển biến nhận thức, từng bước tự nguyện tham gia BHYT, góp phần tăng tỷ lệ BHYT toàn dân, tạo lưới an sinh xã hội bền vững.

c) Tác động về giới: Không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động về thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không tác động đối với hệ thống pháp luật.

3. Kinh phí thực hiện

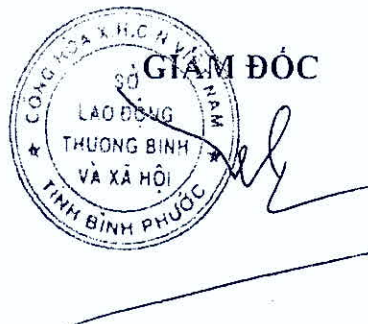
Được cân đối bố trí sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh cho một số nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025 theo đề xuất tại mục I, phần II Báo cáo này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- TTtr.HĐND tỉnh (b/cáo);
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, QLL.VXH (HH).



Huỳnh Thị Thùy Trang

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG HỖ TRỢ MUA THIẾT BỊ BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Báo cáo số 285/HĐ-HĐYT ngày 19/10/2022 của Sở Lao động - TB&XH)

Nhóm	Đối tượng	Tổng số người	Tổng kinh phí	Đề nghị hỗ trợ Ngân sách địa phương bổ sung		Năm 2023	Mức đóng của hộ trợ bổ sung (%)	Năm 2024	Mức đóng của hộ trợ bổ sung (%)	Năm 2025	Mức đóng của hộ trợ bổ sung (%)
				2 tháng/14 tháng/12 tháng/2022	Mức đóng của hộ trợ bổ sung (%)						
1	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình không còn sinh sống trong vùng II, vùng III sau khi ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, sinh sống trên địa bàn các xã vùng II, vùng III đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025	45.947	41.898.150.360	3.080.746.350	50%	16.636.030.290	45%	12.939.134.670	35%	9.242.239.050	25%
2	Người dân (không phải DTTS) thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình không còn sinh sống trong vùng II, vùng III sau khi ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, sinh sống trên địa bàn các xã vùng II, vùng III đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025	30.963	20.345.477.670	1.660.855.320	40%	8.719.490.430	35%	6.228.207.450	28%	4.740.924.470	18%
Tổng cộng:		76.910	62.243.628.030	4.741.601.670		25.355.520.720		19.167.342.120		12.979.163.520	